

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2020/TL.ST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Nh – sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 135/9, ấp 5, xã XTT, huyện HM, thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T – sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã VT, huyện VVT, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã VT, huyện VT, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị Nh trình bày:

Bà và ông Trần Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 09/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc

Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, bà và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, do bà và ông T không cùng quan điểm sống. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Trần Lý Thùy D, nữ, sinh ngày 19/5/2009, cháu D hiện đang sống chung với bà Nh, bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt, chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Nh được ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu Trần Lý Thùy D cho bà Lý Thị Nh nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Trần Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lý Thị Nh khởi kiện ông Trần Văn T tình yêu cầu được ly hôn và yêu cầu nuôi con chung, nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn và yêu cầu nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống giữa bà Nh và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Bà Nh và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Xét thấy quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải, động viên, hàn gắn tình cảm vợ

chồng, ông T vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng không đến Tòa án để giải quyết, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Nh và ông T là trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, hôn nhân không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh.

[4] Về con chung: Giữa bà Nh và ông T có 01 con chung tên Trần Lý Thùy D, nữ, sinh ngày 19/5/2009, từ năm 2012 đến nay cháu D do bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng và cháu D cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do chưa ghi nhận được ý kiến của ông T về yêu cầu nuôi con chung nên tiếp tục giao cháu D cho bà Nhung nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[5] Từ những tình tiết chứng cứ nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lý Thị Nh phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Nh được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Lý Thùy D, nữ, sinh ngày 19/5/2009 cho bà Lý Thị Nh nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ông Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Lý Thị Nh phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp theo biên lai số 0000964 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (bà Nh đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Xuân Thới Thượng; h. Hóc Môn
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé Ngọc

Nguyễn Thị Tua

Lê Thị Diệu